

Bản án số: 870/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2018

*“V/v Tranh chấp về ly hôn”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Như Thủy

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Kim Em
2. Ông Nguyễn Đình Rành

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Chiêm Tiền Quý Nhân -  
Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa:** Bà  
Nguyễn Thị Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:  
68/2018/HNST ngày 30 tháng 01 năm 2018 về việc: “Tranh chấp về ly hôn”,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 360/2018/QĐST- HNGĐ ngày  
15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,  
giữa:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Quốc T, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 730/7/19 đường P, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành  
phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Vũ Ngọc Q, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 550 đường L, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Việt H, sinh năm 1973 (Có đơn xin vắng mặt)
2. Bà Nguyễn Trần Phương T, sinh năm 1977 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 184 đường H, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí  
Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Hoàng Quốc T trình bày:* Ông và bà Q qua thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm, thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận hôn nhân số 05/KH, Quyền số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/01/2008).

Ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo ông T là do vợ chồng ông, bà có nhiều khác biệt trong quan điểm sống, bất đồng với nhau cuộc sống trong gia đình, bà Q không chăm lo gia đình.

Đầu năm 2015, bà Q đã dọn về ba mẹ ruột sống, mặc dù ông đã nhiều lần ngồi lại với bà Q để tìm cách giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, để vợ chồng cùng khắc phục, nhưng không có kết quả. Ông và bà Q đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài thời gian vợ chồng chung sống cũng không hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vũ Ngọc Q

Về con chung: Ông T xác nhận quá trình chung sống ông và bà Q có một con chung, họ và tên: Hoàng Gia B (nam), sinh ngày 24/01/2009. Sau khi ly hôn, ông đồng ý để bà Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi trẻ trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông khai không có tài sản chung, vì tài sản đã bán năm 2016 rồi.

Về nợ chung: Không có.

Ông Hoàng Quốc T cam kết việc ly hôn không nhằm trốn tránh bất cứ nghĩa vụ pháp lý nào.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Hoàng Quốc T xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà Vũ Ngọc Q.

Về yêu cầu chia tài sản chung: Ông xác định tài sản chung là nhà và đất số 730/7/19 đường P, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng ông đã bán rồi cho ông H, bà T rồi, việc mua bán đúng pháp luật, nay không còn tài sản chung nữa; bà Q yêu cầu chia tài sản là không đúng, vì tài sản đã bán, việc chuyển nhượng tài sản có sự đồng ý của bà Q và đúng quy định pháp luật

*Bị đơn bà Vũ Ngọc Q trình bày:* Bà và ông T qua thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận hôn nhân số 05/KH, Quyền số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/01/2008).

Sau khi cưới bà và ông T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà là do ông T không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng ông bà có nhiều bất đồng trong cuộc sống.

Tháng 6/2015 bà dọn về nhà ba mẹ ruột ở cho đến nay. Nay ông Hoàng Quốc T khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, bà Vũ Ngọc Q có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà không đồng ý ly hôn với ông Hoàng Quốc T.

Về con chung: Bà Q xác nhận, bà và ông T có một con chung, họ và tên: Hoàng Gia B (nam), sinh ngày 24/01/2009. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn bà Q yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, đồng ý để ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi trẻ trưởng thành. Yêu cầu thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Về tài sản chung: Bà và ông T có tài sản chung là nhà và đất số 730/7/19 đường P, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do tin tưởng ông T nói bán nhà để mua căn nhà khác để ở và trả bớt nợ cho mẹ bà, nên bà đồng ý bán căn nhà trên.

Ông T và bà có làm hợp đồng chuyển nhượng nhà đất trên với vợ chồng em trai của ông T là ông H, bà T; do là người nhà bà cũng không hỏi đến tiền bạc, ông T có đưa bà 200.000.000 đồng để bà trả nợ cho mẹ của bà, từ đó đến nay bà không nhận thêm đồng nào nữa. Khi ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn và xác định không có tài sản chung, bà mới biết nhà đã chuyển tên cho ông H, bà T, bà xác định có tài sản, ông T khai là không đúng.

Sau khi hòa giải tại tòa án, ngày 21/4/2018 bà có đơn yêu cầu phản tố chia tài sản chung là nhà và đất số 730/7/19 đường P, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu hủy Hợp đồng mua bán nhà giữa bà, ông Hoàng Quốc T với ông Hoàng Việt H, bà Nguyễn Trần Phương T.

Tại buổi hòa giải ngày 15/11/2018 bà Vũ Ngọc Q vẫn không đồng ý ly hôn, bà có đơn rút đơn yêu cầu chia tài sản chung và rút yêu cầu hủy Hợp đồng mua bán nhà giữa bà, ông Hoàng Quốc T với ông Hoàng Việt H, bà Nguyễn Trần Phương T. Bà và ông T tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nếu không giải quyết được, bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay bà trình bày đồng ý ly hôn và xác định có tài sản chung là nhà và đất số 730/7/19 đường P, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, bà và ông T tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nếu không tự thỏa thuận được, bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Bà đồng ý chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông H, bà T có gửi bản tường

trình đến tòa án. Ông, bà xác định việc chuyển nhượng nhà và đất số 730/7/19 đường P, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật, ông bà đã cập nhập sang tên ông bà năm 2016 theo quy định của pháp luật.

Ông bà không đồng ý yêu cầu phản tố của bà Q.

Ông bà có đơn đề nghị xin vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ kiện vì bận việc.

### **Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ Điều 26 đến Điều 39, việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ Điều 93 đến Điều 97, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Quốc T đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn: Bà Vũ Ngọc Q đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Việt H, bà Nguyễn Trần Phương T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong toàn bộ vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho ông Hoàng Quốc T được ly hôn với bà Vũ Ngọc Q.

- Về con chung: Các đương sự có 01 con chung, họ và tên: Hoàng Gia B (nam), sinh ngày 24/01/2009.

Do hiện nay con chung đang sống với bà Vũ Ngọc Q, để tránh xáo trộn cuộc sống, tâm lý của trẻ. Ông T, bà Q thỏa thuận giao trẻ Hoàng Gia B (nam), sinh ngày 24/01/2009 cho bà Vũ Ngọc Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông

T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/ tháng.

Việc tự nguyện này không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Vũ Ngọc Q đã có đơn rút đơn yêu cầu chia tài sản chung đề nghị đình chỉ yêu cầu này. Nếu các đương sự có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

- Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có.

- Về án phí: Ông Hoàng Quốc T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:***

Ông Hoàng Quốc T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Vũ Ngọc Q, đây là tranh chấp về ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn bà Vũ Ngọc Q hiện đang cư trú tại Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Việt H, bà Nguyễn Trần Phương T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong toàn bộ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### ***[2] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:***

##### ***[2.1] Về quan hệ hôn nhân:***

Xét, ông Hoàng Quốc T và bà Vũ Ngọc Q có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận hôn nhân số 05/KH, Quyền số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/01/2008), do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn ông Hoàng Quốc T: Ngay sau khi kết hôn ông và bà Q đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều khác biệt trong quan điểm sống, bất đồng với cuộc sống trong gia đình.

Đầu năm 2015 bà Q đã dọn về ba mẹ sống cho đến nay. Ông đã nhiều lần ngồi lại với bà Q để tìm cách giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng chung sống nhưng không có kết quả.

Ông và bà Q đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành nhiều lần hòa giải vào ngày 15/3/2018, ngày 04/4/2018, ngày 17/8/2018, ngày 15/11/2018 để hai bên cùng đưa ra giải pháp khắc phục mâu thuẫn, để vợ chồng đoàn tụ, nhưng các đương sự không hòa giải đoàn tụ được. Bà Vũ Ngọc Q cũng thừa nhận sau khi kết hôn bà và ông T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà là do ông T không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống.

Tại phiên tòa hôm nay bà Q đồng ý ly hôn với ông T, bà xác nhận không thể đoàn tụ được với ông T.

Hội đồng xét xử ghi nhận việc đồng ý thuận tình ly hôn của ông T và bà Q tại phiên tòa.

[2.2]. Về con chung:

Các đương sự có 01 con chung tên Hoàng Gia B (nam), sinh ngày 24/01/2009.

Tại phiên tòa các đương sự thống nhất, thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự: Bà Vũ Ngọc Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Hoàng Gia B. Ông Hoàng Quốc T cấp dưỡng nuôi trẻ Hoàng Gia B 3.000.000 đồng/ 1 tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 12/2018, vào ngày 5 (dương lịch) hàng tháng, thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

[2.3]. Về tài sản chung:

Theo đơn khởi kiện ông T khai không có tài sản chung.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, tại phiên tòa ông T khai có tài sản chung, nhưng ông và bà Q đã chuyển nhượng cho ông H, bà T rồi, nên không còn tài sản chung nữa.

Bà Q khai có tài sản chung là nhà và đất số 730/7/19 đường P, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì tin tưởng ông T, bà đã làm hợp đồng mua bán nhà với vợ chồng em trai của ông T là ông H, bà T; do là người nhà bên gia đình chồng nên bà cũng không hỏi đến tiền bạc, ông T có đưa bà 200.000.000 đồng để bà trả nợ cho mẹ của bà, và không nhận thêm đồng nào nữa. Bà cũng không biết nhà đã sang tên ông H, bà T vì bà thấy ông T vẫn ở đó, khi ông T khởi kiện ly hôn bà mới biết.

Ngày 21/4/2018 bà Vũ Ngọc Q có đơn yêu cầu chia tài sản chung là nhà và đất số 730/7/19 đường P, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu hủy Hợp đồng mua bán nhà giữa bà Q, ông T với ông Hoàng Việt H, bà Nguyễn Trần Phương T.

Tại buổi hòa giải ngày 15/11/2018 bà Vũ Ngọc Q có đơn rút lại đơn yêu cầu chia tài sản chung và hủy Hợp đồng mua bán nhà. Bà và ông T sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung, nếu không giải quyết được bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Xét, việc rút đơn yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu hủy hợp đồng mua bán nhà của bà Q là hoàn toàn tự nguyện, không trái các quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu hủy Hợp đồng mua bán nhà của bà Q.

[2.4]. Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Hoàng Quốc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại cho bà Vũ Ngọc Q số tiền tạm ứng án phí là 24.750.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0025451 và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0025452 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định, tại chỗ:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn bà Vũ Ngọc Q về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo phiếu thu số 31 ngày 18/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ nêu trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và các Điều 55, 57, 59, 81, 82, 83, 84, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

### **Xử:**

[1]. Về hình thức: Xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Việt H và bà Nguyễn Trần Phương T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Hoàng Quốc T và bà Vũ Ngọc Q.

Giấy chứng nhận hôn nhân số 05/KH, Quyền số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/01/2008 không còn giá trị pháp lý).

[2.2]. Về con chung:

Các đương sự xác nhận có 01 con chung tên Hoàng Gia B (nam), sinh ngày 24/01/2009

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự: Bà Vũ Ngọc Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Hoàng Gia Bảo. Ông Hoàng Quốc T cấp dưỡng nuôi trẻ Hoàng Gia Bảo 3.000.000 đồng/ 1 tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 12/2018, vào ngày 5 (dương lịch) hàng tháng, thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ông Hoàng Quốc T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Khi cần thiết, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu hủy hợp đồng mua bán nhà của bà Vũ Ngọc Q

[2.4]. Về tài sản chung:

Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp không thỏa thuận được, các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2.5]. Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định, tại chỗ:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn bà Vũ Ngọc Q về việc chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo phiếu thu số 31 ngày 18/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh, bà Vũ Ngọc Q đã nộp đủ.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/00025091 ngày 30/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Vũ Ngọc Q số tiền tạm ứng án phí là 24.750.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0025451 và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai

thu số AA/2017/0025452 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5]. Nguyên đơn, ông Hoàng Quốc T, bị đơn bà Vũ Ngọc Q có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Việt H và bà Nguyễn Trần Phương T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Tòa án ND TP.HCM;
- VKS ND Quận 7;
- THA Dân sự Quận 7;
- UBND phường B, Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký và đóng dấu)**

**Trương Như Thủy**